

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26/5/2023

Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Toàn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hiền, bà Nguyễn Thị Thêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐ-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Đình T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 1996

HKTT: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số 1212, OSAKI-HACHI HAMA-CHO, thành phố TOMANO, tỉnh OKAYAMA, Nhật Bản

(Anh T, chị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2022 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là anh Trương Đình T trình bày:

Anh và chị Trần Thị Thùy L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 12/5/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, anh T ham chơi, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng cãi cọ nhau, tình cảm lạnh nhạt dần. Vợ chồng ly thân từ năm 2019, đến tháng 5/2022 chị L đi lao động tại Nhật Bản, chị L chỉ liên lạc hỏi thăm con, không quan tâm tới tình cảm vợ chồng. Nay anh xác định không thể chung sống với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 1 con chung là Trương Nhật H sinh ngày 05/01/2013 hiện nay đang ở với anh. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên nếu chị L không đủ kinh tế mà cấp dưỡng mức thấp hơn thì anh cũng

đồng ý. Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị Thùy L trình bày: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn M, xã T. Vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, đã ly thân từ năm 2020. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nên chị đồng ý ly hôn với anh T. Vợ chồng có 1 con chung là Trương Nhật H sinh ngày 05/01/2013 hiện nay đang ở với anh T. Chị đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều đăng ký hộ khẩu tại thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, chị L đang sinh sống tại Nhật Bản. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Anh T và chị L đều có bản tự khai trình bày quan điểm và đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án không phải tiến hành lấy lời khai của các đương sự và không phải ủy thác tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình không phải tham gia phiên tòa sơ thẩm, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 21, Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L kết hôn có đăng ký là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống được một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng cãi vã, không quan tâm đến nhau, sống ly thân từ năm 2020, tình cảm lạnh nhạt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng. Cả hai bên đều thừa nhận không thể hàn gắn được, hơn nữa anh chị lại sống xa cách nhau nên khả năng hàn gắn là rất khó khăn, nay cả hai anh chị cùng nhất trí ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh T và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần cho anh T được ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh T và chị L có 1 con chung là Trương Nhật H sinh ngày 05/01/2013, anh T đang nuôi dưỡng. Cháu H có nguyện vọng ở với anh T. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và nguyện vọng của con chung, cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L nhận cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng/tháng là thấp, cần buộc chị L cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000 đồng/tháng để bảo đảm chi phí bình thường cho con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, chị L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Đình T được ly hôn chị Trần Thị Thùy L.

[2] Về con chung: Xử giao con chung là Trương Nhật H sinh ngày 05/01/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng từ tháng 5/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Anh T, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí:

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005564 ngày 04/01/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án, nghĩa vụ nộp án phí của anh T đã xong.

Chị L còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 1 tháng, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình
- UBND xã T, huyện V
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Toàn Nghĩa